

TÁC ĐỘNG CỦA INTERNET ĐẾN VĂN HÓA ĐỌC CỦA SINH VIÊN HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Ngô Thanh Điền, Lương Thị Thêm, Nguyễn Ngọc Minh

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Tóm tắt: Văn hóa đọc được coi là nền tảng cho sự tiến bộ và phát triển của mỗi cá nhân cũng như của nhân loại. Trước sự bùng nổ công nghệ thông tin và truyền thông, văn hoá đọc của sinh viên hiện nay có xu hướng thay đổi phương tiện tiếp cận và cách thức đọc. Điều này dẫn đến những thay đổi về hiệu quả đọc. Bài báo nghiên cứu tác động của Internet đối với văn hóa đọc của sinh viên Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông dựa trên ba yếu tố: thói quen đọc, sở thích đọc và kỹ năng đọc. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đưa ra các đề xuất nhằm cải thiện văn hóa đọc của sinh viên Học viện khi sử dụng Internet.

Từ khóa: văn hóa đọc, internet, sinh viên

I. MỞ ĐẦU

Trong mọi thời đại, việc đọc luôn giữ một vai trò quan trọng đối với sự phát triển nền văn minh của thế giới và đời sống xã hội loài người. Việc đọc ngày nay không chỉ ở phương thức đọc truyền thống (sách in), mà còn chuyển sang phương thức đọc hiện đại (đọc trên các phương tiện nghe nhìn, thiết bị điện tử máy tính, sách điện tử). Việc chuyển đổi này là cơ hội để mỗi người tiếp cận khối lượng tri thức khổng lồ qua các phương tiện truyền thông khác nhau. Tuy nhiên, nó cũng tiềm ẩn những nguy cơ làm mai một một thói quen đọc. Vậy Internet đã tác động

như thế nào đến văn hóa đọc của giới trẻ ngày nay? Từ việc điều tra và phân tích số liệu khảo sát đối với sinh viên Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (PTIT), nhóm nghiên cứu đã chỉ ra thực trạng văn hoá đọc của sinh viên PTIT, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển văn hóa đọc của sinh viên Học viện nói riêng và giới trẻ Việt Nam nói chung.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

A. Khái niệm “Văn hóa đọc”

Theo Nyam (2015), văn hóa đọc là hoạt động đọc diễn ra thường ngày. Việc trau dồi thái độ và sở hữu các kỹ năng sẽ làm cho người đọc tập trung hơn và lĩnh hội kiến thức trong sách một cách hiệu quả. Từ đó, việc đọc sách trở thành một hoạt động thú vị, thường xuyên và liên tục. Bên cạnh đó, Ailakhu và Unegbu (2017) định nghĩa văn hóa đọc là việc hình thành thói quen đọc sách trong cuộc sống hàng ngày ngoài mục đích học tập trên trường. Một nghiên cứu khác của nhóm tác giả Ina Joubert, Liesel Ebersöhn, Ronel Ferreira, Loraine du Plessis, Melanie Moen (2013) cho rằng văn hóa đọc biểu thị thái độ, niềm tin và hành vi cho phép đọc trong các hệ thống: người học, giáo viên, nhà trường và cộng đồng trong tất cả các hoạt động liên quan đến việc đọc, cho phép người học đọc thường xuyên, do đó làm sâu sắc thêm và làm cho nó bền vững hơn.

Tại Việt Nam, tác giả Nguyễn Hữu Viêm (2014) đưa ra khái niệm văn hóa đọc theo hai khía cạnh: nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Ở nghĩa rộng, văn hóa đọc là ứng xử đọc, giá trị và

Tác giả liên hệ: Ngô Thanh Điền, Lương Thị Thêm, Nguyễn Ngọc Minh
Email: themlt.b18tt107@stu.ptit.edu.vn,
minhnn.b18tt067@stu.ptit.edu.vn
Đến Tòa soạn: 15/01/2022, chỉnh sửa: 10/03/2022, chấp nhận đăng: 25/03/2022

chuẩn mực đọc của mỗi cá nhân, của cộng đồng xã hội, các nhà quản lý và cơ quan nhà nước. Như vậy, văn hoá đọc ở nghĩa rộng là sự hợp thành của ba lớp tổ chức xã hội khác nhau (cá nhân, cộng đồng xã hội và cơ quan quản lý nhà nước). Còn ở nghĩa hẹp, đó là ứng xử, giá trị và chuẩn mực đọc của mỗi cá nhân.

B. Các thành tố hình thành văn hóa đọc

Theo tác giả Nguyễn Hữu Viêm, văn hóa đọc được tạo thành từ ba thành tố chính đó là: Thói quen đọc, sở thích đọc và kỹ năng đọc của mỗi người.

1) Thói quen đọc

Thói quen đọc đề cập đến việc con người dành thời gian để đọc bất cứ thứ gì dựa trên sự hứng thú đối với loại tài liệu, sách hay kiến thức đó (Chettri & Rout, 2013). Thói quen đọc sách đóng góp vào kết quả học tập của học sinh. Chettri & Rout cũng tiết lộ rằng thói quen đọc sách sẽ dẫn đến cải thiện khả năng học tập. Thói quen đọc còn ảnh hưởng đến việc phát triển của mỗi cá nhân nói riêng và tiến bộ xã hội nói chung (Shafi & Loan, 2010). Thói quen đọc sách sẽ giúp người học tiếp thu được kiến thức có ý nghĩa và đạt kết quả học tập tốt ở trường (Samrotul Muawanal, 2014).

Như vậy, lợi ích của thói quen đọc sách là rất lớn. Thói quen đọc sách là trung tâm của việc tự học suốt đời. Trong thời đại cạnh tranh hiện nay, đọc sách là nền tảng để thành công trong mọi lĩnh vực. Đây là một thói quen lành mạnh và nên được duy trì ở mỗi cá nhân.

2) Kỹ năng đọc

Kỹ năng đọc là sự thể hiện tổ hợp những thao tác tư duy được xác lập thành thói quen ứng xử đọc. Các thao tác tư duy đó là:

- Lựa chọn có ý thức đề tài hoặc những vấn đề cần đọc cho bản thân, biết vận dụng thành thạo các cách đọc khác nhau đối với từng loại tài liệu đọc

- Biết định hướng nguồn tài liệu cần thiết cho bản thân trong môi trường số, trong các cơ sở dữ liệu, trên Internet.
- Thể hiện được tính hệ thống, tính liên tục trong quá trình lựa chọn tài liệu đọc
- Biết cách tiếp nhận tối đa và sâu sắc nội dung tài liệu đọc, kể cả cách ứng xử khi đọc tài liệu như cách ngồi, khoảng cách giữa mắt và tài liệu đọc, v.v.
- Biết vận dụng các phương pháp đọc phù hợp để củng cố và đào sâu những nội dung đã đọc như ghi chép, lập hợp phiếu thư mục, soạn tóm tắt, viết chú giải, trao đổi với bạn bè, đồng nghiệp...

Mục đích cuối cùng của kỹ năng đọc là nắm chắc các nội dung cốt lõi và biết vận dụng những điều đã đọc vào cuộc sống thực tế.

3) Sở thích đọc

Sở thích đọc của một người được xác định ở một mức độ đáng kể bởi số lượng tài liệu đọc sẽ đọc và cường độ mà người đó muốn tiếp tục đọc (Chettri & Rout, 2013). Bộ Giáo dục Hoa Kỳ (2005) định nghĩa sở thích đọc sách là việc học sinh thích đọc trong thời gian rảnh rỗi của họ ở nhà hoặc trên thư viện. Thói quen và kỹ năng đọc mang tính chất đồng loạt, còn sở thích đọc lại phụ thuộc hoàn toàn vào từng cá nhân cụ thể (trình độ giáo dục và khả năng lĩnh hội của mỗi cá nhân) (Nguyễn Hữu Viêm, 2014). Trình độ giáo dục là một trong các yếu tố để đánh giá khả năng nhận thức của con người. Những người có trình độ giáo dục càng cao thì khả năng tiếp nhận và xử lý thông tin sẽ nhanh nhạy hơn do đã được trang bị nền tảng kiến thức cơ bản trước đó. Chính yếu tố này tạo ra sự đa dạng cho nền văn hoá đọc trong xã hội.

Purves and Beach (1972) phân loại sở thích đọc thành ba loại:

Một là, Sở thích đọc tự phát, bao gồm: sở thích về nội dung, sở thích về hình thức, số lượng đọc, rào cản, chất lượng và sở thích với thể loại, tài liệu.

Hai là, Các yếu tố cá nhân quyết định sở thích đọc được bao gồm: tuổi tác, giới tính, trình độ, khả năng đọc, thái độ và nhu cầu tâm lý.

Ba là, Sở thích đọc bị ảnh hưởng từ môi trường bên ngoài: sự sẵn có của sách, kinh tế xã hội và khu vực sinh sống, bạn bè đồng lứa, phụ huynh và giáo viên trong trường, các phương tiện truyền thông, v.v.

Như vậy, văn hoá đọc của từng cá nhân cần phải đảm bảo có đủ cả ba yếu tố: Thói quen đọc, kỹ năng đọc và sở thích đọc..

C. Khái niệm Internet

Theo từ điển Cambridge, Internet là hệ thống lớn kết nối các máy tính trên khắp thế giới và cho phép mọi người chia sẻ thông tin và kết nối với nhau. Nó được Cơ quan các đề án nghiên cứu tân tiến (Advanced Research Projects Agency - ARPA) của chính phủ Hoa Kỳ phát minh vào năm 1969 với tên gọi ARPANet. Mục đích ban đầu nhằm tạo ra một mạng lưới cho phép người dùng máy tính ở các trường đại học có thể liên kết và giao tiếp với nhau. Cơ chế thực hiện của Internet bao gồm: các máy tính và các mạng máy tính trao đổi thông tin sử dụng TCP/IP (Transmission Control Protocol/Internet Protocol - Giao thức TCP/IP) để liên lạc với nhau. Hệ thống này bao gồm hàng ngàn mạng máy tính nhỏ của các doanh nghiệp, các viện nghiên cứu và các trường đại học hay của người dùng cá nhân..

D. Tác động của Internet đến văn hóa đọc

Sự phát triển của mạng lưới Internet đã trải qua nhiều thay đổi mang tính cách mạng. Nổi bật trong đó là sự cải tiến từ Web 1.0 đến Web 2.0. Đối với Web 1.0, người dùng tiếp nhận và sử dụng thông tin một cách thụ động và mang tính 1 chiều. Còn Web 2.0, mọi người có thể trao đổi, phản hồi, tương tác và chia sẻ thông tin trực tuyến thay vì chỉ tiêu thụ nội dung đó. Ở Web 2.0, người sử dụng cũng có thể trở thành người sản xuất. Do đó, thông tin trên

Internet có nội dung đa dạng và mức độ tương tác cao.

Chính sự phát triển này đã mở ra nguồn thông tin đa dạng cho toàn xã hội, đặc biệt đối với nhóm đối tượng là người học và người dạy. Nhờ vậy, việc tìm hiểu kiến thức trở nên nhanh chóng, hiệu quả hơn rất nhiều so với trước đây. Những thói quen đọc, sở thích đọc, kỹ năng đọc của con người cũng dần có sự thay đổi do phương tiện tiếp cận không còn như trước.

1) Thay đổi thói quen đọc

Con người bắt đầu có xu hướng thay đổi thói quen tiếp nhận thông tin. Người đọc không chỉ đến thư viện để có các nguồn thông tin mà còn tiếp nhận thông tin từ nhiều nguồn khác. Thay vì tìm đến các nhà sách, thư viện, họ có thể dùng các tài khoản mạng xem thông tin, tin tức hoặc mua các phiên bản Ebooks. Theo các học giả Fawaz & Samaha (2020); Mumtaz và cộng sự (2021); Noor và cộng sự (2020); Parikh và cộng sự (2020); Ramzan & Singh (2009); Choaid & Wahab (2014); Al-Ahdal (2020); Alfallaj (2020) tin rằng nội dung kỹ thuật số hoặc phương tiện truyền thông có nhiều tác động hơn so với sách giáo khoa vì một số lợi thế, ví dụ như nó dễ dàng truy cập thông tin dưới dạng văn bản, video và âm thanh, tính phi tuyến tính và tính tương tác, v.v. Diễn hình các trang thông tin điện tử, mạng xã hội, các tổ chức, các cá nhân cung cấp thông tin trực tuyến, v.v. Theo số liệu thống kê năm 2018 của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch, tổng số thư viện công cộng/phòng đọc sách, tủ sách là 21.084. Công nghệ thông tin và Internet đã giúp số hóa hệ thống thư viện trên khắp cả nước, vươn tới các huyện và nhiều xã, thôn..

2) Thay đổi sở thích đọc

Internet đã hỗ trợ nhu cầu truyền tin và khai thác thông tin dữ liệu. Ngày nay, xu hướng đọc trên các trang điện tử ngày càng nhiều và phổ biến dẫn tới sở thích đọc trên các phương tiện truyền thông và nền tảng mạng Internet đã có

sự thay đổi rõ rệt. Conradi (2014); Dalton (2014); Hasan & Bao (2020); Parikh và cộng sự (2020) đã phát hiện ra rằng, khi sinh viên được hỏi về sở thích của họ đối với việc đọc học thuật thì phần lớn các câu trả lời là họ thích các định dạng điện tử hơn cho thể loại này. Điều này giúp tạo hứng thú và thúc đẩy văn hóa đọc thông qua nhiều hình thức truyền tải đa phương tiện (sách nói, sách dạng video). Sự đa dạng hình thức truyền tải giúp người đọc dễ hiểu, dễ hình dung và tăng khả năng kích thích nhu cầu đọc sách. Theo các nghiên cứu của Waseem Muhammad Zia và Ahmed (2019), những người đã phát hiện ra rằng với số hóa, xu hướng đọc của sinh viên cũng đang chuyển đổi và họ đang tập trung vào nội dung kỹ thuật số. Điều này giúp tạo hứng thú và thúc đẩy văn hóa đọc thông qua nhiều hình thức truyền tải đa phương tiện (sách nói, sách dạng video). Sự đa dạng hình thức truyền tải giúp người đọc dễ hiểu, dễ hình dung và tăng khả năng kích thích nhu cầu đọc sách. Một ảnh hưởng tích cực khác của Internet đến sở thích đọc là nó giúp người dùng có thể chọn lọc, phân loại các đầu mục sách phù hợp với yêu cầu, mong muốn của họ thông qua việc tích hợp phần mềm AI. Từ đó, người sử dụng dễ dàng tìm kiếm và tra cứu thông tin trên nền tảng mạng hơn so với các loại hình sách báo truyền thống thông thường.

3) Thay đổi kỹ năng đọc

Internet đang làm thay đổi mạnh mẽ cách thức tra cứu và chia sẻ thông tin, phục vụ cho mục đích học tập, làm việc, vui chơi và giải trí của con người. Trước đây, việc tiếp cận tri thức, tài liệu là vô cùng khó khăn, thậm chí nguồn tin lỗi thời, không bắt kịp xu thế thời đại. Giờ đây, những tiện ích của việc tìm kiếm kiến thức trên mạng đang làm thay đổi căn bản cách chúng ta tiếp cận kiến thức, cách chúng ta hệ thống và chọn lọc kiến thức để phục vụ cho việc học tập và làm việc. Ngày nay, mọi người thường có xu hướng "duyet qua", tìm kiếm các từ khóa bằng

cách đọc lướt văn bản thay vì tập trung vào ý nghĩa tổng thể của một bài báo. Điều này chứng tỏ kỹ năng đọc hiểu của người dùng đang dần yếu hơn. Theo Katherine Hayles (2012), việc đọc nhằm mục đích duy trì sự tập trung bằng cách nhanh chóng xác định thông tin liên quan của văn bản, cái được cho là quan trọng để đọc. Ngay cả các học giả dường như cũng dành ít thời gian hơn cho mỗi bài báo học thuật, đặc biệt là các bài báo trực tuyến, so với trước đây (Tenopir và cộng sự, 2009). Khi nói đến việc sử dụng các trang web, các nghiên cứu chỉ ra rằng trung bình, mọi người có khả năng đọc ít hơn 30% các từ trong mỗi quyển sách (Nielsen, 2008). Schugar và cộng sự (2011) nhận thấy rằng những người tham gia đọc trên màn hình sử dụng ít chiến lược nghiên cứu hơn như ghi chép.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phân tích và tổng hợp tài liệu: Đề tài sử dụng các nguồn tư liệu, số liệu thứ cấp về cơ sở lý luận và về thực trạng văn hoá đọc dưới sự tác động của Internet.

Điều tra bảng hỏi: Nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát sinh viên tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và thu được 223 phiếu trả lời. Sau khi lọc thu được 193 phiếu hợp lệ.

Phỏng vấn sâu: Nghiên cứu đã phỏng vấn 13 sinh viên tại các ngành: Truyền thông đa phương tiện, công nghệ đa phương tiện, công nghệ thông tin, marketing và quản trị kinh doanh, công nghệ Kỹ thuật điện tử, điện tử viễn thông.

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

A. Kết quả khảo sát về thói quen đọc

1) Thói quen đọc theo giới tính

Kết quả khảo sát về thói quen đọc các tài liệu ngoài mục đích học tập trên trường theo giới tính của sinh viên Học Viện được thể hiện ở bảng I:

Bảng I: Thói quen đọc theo giới tính

Giới tính	Tổng số	Hàng ngày	Một tuần	Một tháng	Hai tháng
	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ
Nữ	52%	23%	33%	23%	21%
Nam	48%	29%	31%	23%	13%

Tỷ lệ thói quen đọc các tài liệu ngoài mục đích học tập giữa nam và nữ sinh viên tại Học viện có chênh lệch không quá lớn (52% và 48%). Trong đó, tần suất đọc hàng ngày phân theo giới tính cũng có sự khác nhau, trong khi nam giới chiếm 32% thì nữ giới chỉ chiếm 23%. Trong khi các mức hàng tuần, hàng tháng, tỷ lệ phần trăm giữa nam và nữ chênh lệch không quá cao (32% - 33% và 23% - 23%).

2) Các hình thức đọc

Các hình thức đọc của sinh viên Học viện được trình bày theo bảng dưới đây:

Bảng II. Tỷ lệ đọc sách giấy và sách điện tử của sinh viên

Loại hình đọc	Tổng số	Ngành Kinh tế	Ngành Kỹ thuật	Ngành ĐPT
	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ
Sách giấy	14%	9%	18%	17%
Sách điện tử	22%	16%	15%	28%
Cả hai	64%	75%	67%	55%

Sách điện tử đang trở thành xu hướng, đặc biệt trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Dựa vào bảng khảo sát, tỷ lệ sinh viên tại Học viện đọc cả hai loại sách đều cao ở các nhóm ngành: nhóm ngành kinh tế chiếm 64%, nhóm ngành kỹ thuật chiếm 75% và nhóm ngành đa phương tiện chiếm 55%. Tuy vậy, dù sách điện tử (ebook) phát triển nhưng một bộ phận sinh viên Học viện vẫn duy trì thói quen đọc sách giấy, khi so sánh về sự tương quan giữa hai loại hình đọc của các nhóm ngành.

3) Nguồn thông tin đọc

Nguồn thông tin đọc của sinh viên Học viện được thể hiện ở bảng III:

Bảng III. Tỷ lệ giữa các nguồn đọc của sinh viên Học viện

Nguồn thông tin	Tổng số	Ngành Kinh tế	Ngành Kỹ thuật	Ngành ĐPT
	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ
Sách giấy	66%	70%	63%	67%
Tạp chí	28%	30%	23%	32%
Báo giấy	26%	33%	28%	17%
Báo điện tử	66%	67%	63%	70%
Mạng xã hội	85%	82%	88%	86%
Trên các ứng dụng đọc sách	37%	42%	31%	38%
E-book	40%	48%	34%	39%
Sách nói, sách dạng audio	34%	33%	39%	29%

Xã hội ngày càng phát triển thì các loại hình đọc cũng ngày càng trở nên phong phú. Số liệu từ nhóm tác giả cho thấy, mạng xã hội trở thành nguồn tìm kiếm tài liệu đọc nhiều nhất đối với sinh viên Học viện, chiếm tới 85% tổng sinh viên tham gia khảo sát, ngành kinh tế chiếm 82%, kỹ thuật chiếm 88% và đa phương tiện chiếm 86%. Điều này cho thấy, mạng xã hội đang ngày càng trở thành nguồn đọc chính đối với sinh viên tại Học viện. Tiếp đến là sách giấy và báo điện tử đều chiếm 66% và tạp chí chiếm 28%, thấp nhất là báo giấy chỉ chiếm 26%. Loại hình đọc thấp nhất là báo giấy 26% và tạp chí 28%. Đây là những nguồn tài liệu khá cũ, chưa có tính cập nhật cao và chưa thu

hút được sinh viên. Khi công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, kéo theo sự ra đời của những chiếc điện thoại thông minh, máy tính bảng... đã giúp cho người sử dụng thuận tiện hơn trong việc tra cứu thông tin trên những trang báo điện tử, mạng xã hội. Chính vì điều đó mà báo giấy hay tạp chí ngày càng nhận được ít sự quan tâm, chú ý đến.

4) Nhu cầu, hứng thú đọc của sinh viên

Bảng IV. Tỷ lệ nhu cầu, hứng thú đọc của sinh viên theo nội dung tài liệu

Nội dung tài liệu	Tổng số	Ngành Kinh tế	Ngành Kỹ thuật	Ngành DPT
	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ
Sách về kỹ năng sống	60%	61%	53%	65%
Sách về khoa học đời sống	46%	36%	65%	38%
Sách liên quan đến học tập/công việc	65%	59%	63%	71%
Báo, tạp chí	44%	41%	45%	45%
Tiểu thuyết/truyện tranh	48%	47%	50%	46%

Có thể thấy, trong 5 nhóm nội dung tài liệu nhóm tác giả đưa ra thì nhóm sách liên quan đến học tập - công việc được sinh viên quan tâm nhiều nhất, chiếm 65%. Tiếp sau là nhóm sách về kỹ năng sống với 60%, sách tiểu thuyết/truyện tranh là 48%, trong khi đó nhóm sách về khoa học đời sống chỉ chiếm 46%,

nhóm báo và tạp chí chiếm tỉ lệ thấp nhất là 44%.

Tuy nhiên, tỷ lệ nhu cầu, hứng thú đọc đối với nội dung tài liệu cũng có sự khác biệt giữa các nhóm sinh viên. Nếu như nhu cầu, hứng thú đọc tài liệu chuyên ngành của nhóm sinh viên ngành kinh tế và kỹ thuật khá tương đồng nhau (chỉ 59% và 63%) thì nhu cầu, hứng thú đọc của sinh viên ngành đa phương tiện lại cao hơn (71%). Điều này có thể được giải thích rằng ngành đa phương tiện là ngành rất mới, lại mang tính ứng dụng cao, vì vậy các tài liệu học tập luôn cần phải cập nhật phù hợp với thực tiễn xã hội. Sinh viên học ngành này cần phải nghiên cứu nhiều tài liệu chuyên ngành có tính mới và bắt kịp xu hướng để có thể nâng cao trình độ và áp dụng vào thực tiễn.

Mặt khác, sách về khoa học đời sống được nhóm ngành kỹ thuật khá quan tâm (chiếm 65%) trong khi đó các nhóm ngành kinh tế và đa phương tiện chiếm thấp hơn (36% và 38%). Điều này cho thấy một thực tế là ngành kỹ thuật có tính ứng dụng cao, hay ứng dụng nhiều máy móc, thiết bị kỹ thuật trong học tập và công việc nên cần nghiên cứu các tài liệu khoa học chuyên sâu về công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông.

Trong khi các nhóm ngành kỹ thuật có xu hướng quan tâm, hứng thú với loại hình sách khoa học, tạp chí chuyên môn (65% cao hơn hẳn so với hai ngành còn lại) thì nhóm ngành kinh tế và đa phương tiện lại quan tâm nhiều hơn về các lĩnh vực xã hội. Theo bảng IV thống kê, nhóm ngành kinh tế và đa phương tiện có tỷ lệ hứng thú với loại hình sách về kỹ năng sống (61% và 65%) cao hơn hẳn so với ngành kỹ thuật (53%). Tuy nhiên, tỷ lệ đọc báo, tạp chí đời sống thường nhật giữa các nhóm sinh viên khá tương đồng nhau (kinh tế 41%, kỹ thuật 45%, đa phương tiện 45%).

B. Kết quả nghiên cứu theo sở thích đọc

Mức độ hứng thú của sinh viên học viện đối với tài liệu trên Internet được thể hiện ở dưới bảng sau:

Bảng V. Mức độ hứng thú của sinh viên học viện đối với tài liệu trên Internet

Mức độ hứng thú, yêu thích	Tổng số	Ngành Kinh tế	Ngành Kỹ thuật	Ngành ĐPT
	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ
Internet đáp ứng được nhu cầu tìm kiếm các nguồn tài liệu	72%	75%	73%	68%
Nhiều thông tin hấp dẫn khác được giới thiệu thêm trong lúc đọc trên Internet	68%	64%	67%	74%
Nhiều nguồn sách đọc hại tràn lan khiến người đọc mất hứng thú tìm hiểu	48%	50%	45%	48%
Người đọc dễ bị sao nhãng khi đọc bởi các thông tin quảng cáo, các thông báo điện thoại...	51%	52%	45%	57%
Những thông tin	73%	72%	65%	80%

có tính cập nhật trên Internet được ưa thích				
Những thông tin có sự tích hợp về hình ảnh, âm thanh, video được ưa chuộng	74%	75%	72%	74%

Qua số liệu khảo sát, hầu hết sinh viên đều cho rằng Internet đáp ứng được nhu cầu tìm kiếm các nguồn tài liệu (72%). Điều này càng khẳng định Internet có tầm ảnh hưởng lớn đến văn hóa đọc của sinh viên tại Học viện. Thống kê cũng cho thấy nhiều thông tin hấp dẫn khác được giới thiệu thêm trong lúc đọc trên Internet chiếm tới 68%, người đọc dễ bị sa đà vào mục đích khác chiếm 51%. Với trình độ và kinh nghiệm của sinh viên thì con số này khá báo động, yêu cầu đặt ra cho bạn đọc là cần phải tìm phương pháp học tập phù hợp để nâng cao độ tập trung và hiểu rõ vấn đề trong quá trình tra cứu học tập.

Ngoài ra, gần 73% sinh viên cho rằng những thông tin có tính cập nhật trên Internet được họ yêu thích và xem thường xuyên. Đây cũng là một điều dễ hiểu khi xã hội ngày càng phát triển, thông tin, tri thức mới được cập nhật và đổi mới thường xuyên. Ngoài ra, có đến 74% sinh viên cho rằng những thông tin có sự tích hợp về hình ảnh, âm thanh, video được họ ưa chuộng và sử dụng nhiều hơn so với việc chỉ đọc chữ. Tuy nhiên, Internet cũng có thể khiến người đọc mất hứng do nhiều nguồn sách đọc hại tràn lan (48%).

C. Kết quả nghiên cứu theo kỹ năng đọc

1) Sử dụng các yếu tố thuộc kỹ năng đọc

Kỹ năng đọc của sinh viên Học viện được thể hiện trong bảng tổng hợp dưới đây và được phân tích, đánh giá thông qua 3 yếu tố sau:

Bảng VI. Tỷ lệ sinh viên biết sử dụng các yếu tố thuộc kỹ năng đọc

Yếu tố thuộc kỹ năng đọc	Tổng số	Ngành Kinh tế	Ngành Kỹ thuật	Ngành ĐPT
	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ
Xác định mục đích đọc	49%	48%	53%	45%
Sử dụng phương pháp đọc	29%	25%	38%	25%
Lập kế hoạch đọc	29%	34%	28%	25%

Qua bảng số liệu trên, có thể nhận thấy nhiều sinh viên đã biết xác định mục đích đọc (49%), tuy nhiên, chỉ có 29% sinh viên đọc có phương pháp và 29% sinh viên đọc có kế hoạch. Những con số trên cho thấy chất lượng đọc của sinh viên chưa cao, chưa thích nghi với việc học tập trực tuyến trong thời gian dịch bệnh Covid-19 kéo dài. So sánh giữa ba nhóm ngành với nhau, nhóm ngành kỹ thuật và kinh tế có tỷ lệ xác định mục đích đọc (53% và 48%) cao hơn nhóm ngành đa phương tiện (45%). Tuy nhiên, nhìn chung sinh viên Học viện vẫn còn hạn chế trong việc lập kế hoạch và sử dụng phương pháp đọc (29%). Điều này ảnh hưởng đến chất lượng đọc và số lượng đọc của sinh viên trong quá trình tiếp nhận thông tin của bản thân.

2) Kỹ năng đọc với các nội dung tài liệu

Kỹ năng đọc của sinh viên Học viện đối với các nội dung của tài liệu được trình bày ở bảng dưới đây:

Bảng VII. Kỹ năng đọc đối với các nội dung tài liệu

Kỹ năng đọc	Tổng số	Ngành Kinh tế	Ngành Kỹ thuật	Ngành ĐPT
-------------	---------	---------------	----------------	-----------

	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ
Hiểu nội dung cơ bản	42%	42%	42%	43%
Đánh dấu những nội dung quan trọng	49%	52%	45%	51%
Hiểu từng phần	34%	36%	23%	42%
Hay quên những nội dung đã đọc	38%	44%	40%	32%

Thông qua số liệu khảo sát, ta có thể thấy rằng 91% sinh viên khi đọc đều nắm được cơ bản những nội dung quan trọng của tài liệu. Trong đó, có 49% sinh viên có kỹ năng đánh dấu lại nội dung quan trọng khi đọc và 42% sinh viên đã hiểu được cơ bản nội dung các tài liệu mình đọc. Đối với việc ghi nhớ những nội dung đã đọc, sinh viên nhóm đa phương tiện và nhóm kỹ thuật có tỷ lệ ghi nhớ cao hơn so với nhóm kinh tế. Tỷ lệ quên những nội dung đã đọc của nhóm đa phương tiện là 32% và nhóm kỹ thuật là 40%, trong khi nhóm kinh tế là 44%. Điều này cho thấy sinh viên ngành đa phương tiện và ngành kỹ thuật có sự hiểu biết và ghi nhớ các thông tin khá tốt bởi đây là 2 ngành mang tính ứng dụng cao.

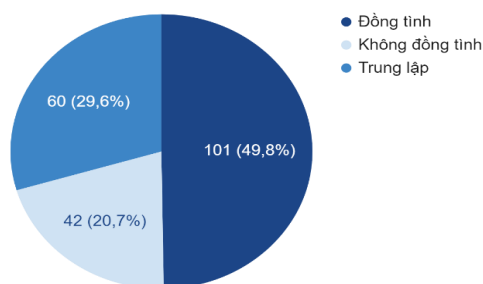
V. NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN THỰC TRẠNG VĂN HÓA ĐỌC HIỆN NAY

Internet và các phương tiện kỹ thuật số đang trở thành những công cụ vô cùng hữu ích giúp tiếp cận kho thông tin - tri thức khổng lồ. Tuy nhiên, Internet cũng có những tác động tiêu cực khiến cho văn hóa đọc của sinh viên phần nào bị suy giảm. Có những nguyên nhân đến từ cả hai phía khách quan và chủ quan sẽ được phân tích trong nội dung dưới đây.

A. Nguyên nhân khách quan

1) Nguyên nhân tích cực

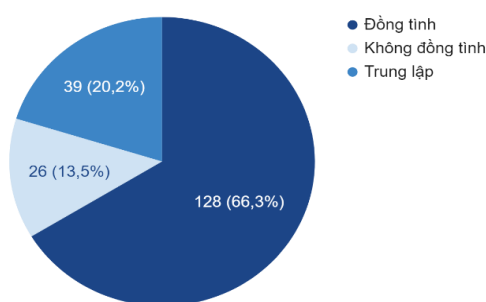
Sự chuyển dịch của các hình thức đọc



Hình 1. Tỷ lệ sinh viên chuyển sang đọc trên các app, ứng dụng điện tử

Theo khảo sát, có tới 50% sinh viên Học viện đã chuyển sang đọc qua các ứng dụng, các app, các trang điện tử thay vì chỉ đọc sách báo bằng giấy. “Sinh viên có thói quen sống vội cái gì cũng muốn làm thật là nhanh và làm thật nhiều thứ, còn việc đọc thì đôi khi rất mất thời gian. Vậy thì, ngoài việc đọc thì họ có thể lựa chọn xem những video có nội dung tương tự trên Tik Tok hay YouTube chẳng hạn.” (Phòng vấn sâu, bạn N.Đ.K). Sinh viên tìm đến những phương pháp tiện lợi giúp tiết kiệm được thời gian đọc mà vẫn đảm bảo cho bản thân những trải nghiệm tốt nhất về mặt kiến thức. Với các phương pháp đọc mới, sinh viên có thể tự ngồi ở nhà, tìm chọn và đọc những cuốn sách mà mình thích. Chẳng hạn, nhiều cuốn sách ngày nay được phát hành và lưu trữ trên Internet dưới dạng sách điện tử, sách đa phương tiện, nhờ đó sinh viên có thể đọc và học trong nhiều môi trường, hoàn cảnh khác nhau.

Ảnh hưởng từ yếu tố ngoại cảnh



Hình 2. Tỷ lệ sinh viên đọc review trước khi đọc chính thức

Hơn 66% sinh viên tại Học viện đồng tình rằng: có đọc qua các review trên Internet trước khi quyết định đọc một quyển sách. Các nội dung, chi tiết chính của quyển sách được tóm tắt và diễn giải rõ ràng giúp người đọc nắm được thông tin tổng quan về quyển sách họ muốn đọc một cách dễ dàng. Việc theo dõi các review trước khi quyết định chọn đọc sẽ giúp người đọc tiết kiệm thời gian, có thêm những gợi ý về việc chọn lọc những cuốn sách với nội dung mong muốn. Từ đó, việc đọc sẽ trở nên hiệu quả hơn.

Sự phong phú về nội dung và hình thức trên Internet

Thứ nhất phải kể đến nội dung thông tin phong phú, đa dạng về mọi thể loại, lĩnh vực, trình độ kiến thức nên thỏa mãn được nhu cầu của mọi đối tượng có tuổi tác, nghề nghiệp, sở thích, học vấn khác nhau. Dung lượng thông tin thu nhận được lớn và ngắn gọn, được lấy từ nhiều nguồn đa kênh, không bị trở ngại về không gian, thời gian. Cách truy cập, tìm kiếm rất đơn giản, tiện ích giúp người đọc có thể sử dụng mọi nơi, mọi lúc. Người dùng có thể tự do lựa chọn thể loại, nội dung mình muốn đọc tại chỗ mà không phải đi lại, tiết kiệm công sức và chi phí.

Thứ hai, các thông tin đăng tải trên Internet được cập nhật thường xuyên, liên tục. Hơn 80% sinh viên Học viện tham gia khảo sát thích đọc những thông tin có tính cập nhật trên Internet. Các tin, bài, nội dung không phải qua các khâu in ấn, phát hành mà thay vào đó sẽ đăng tải trên các trang điện tử. Do vậy, thông tin được truyền đạt kịp thời, tức thì, phù hợp với nhịp sống số của thời đại.

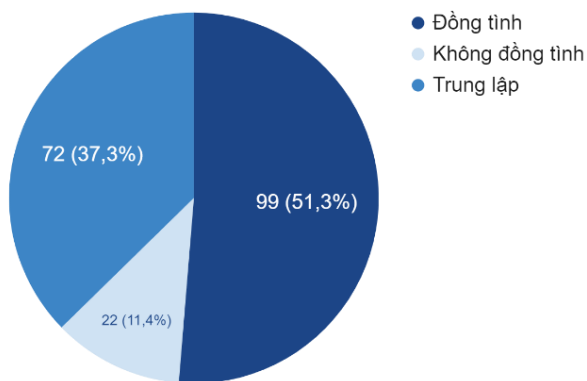
Ngoài ra, Internet còn có tính tương tác, kết nối cao, đáp ứng tối đa nhu cầu giao tiếp, chia sẻ, thể hiện bản thân. Nhờ đó mà độ phủ của thông tin rất rộng, cùng lúc lan tỏa tới đông đảo các tầng lớp trong xã hội.

Về hình thức, do Internet có thể tích hợp đa phương tiện (multimedia: văn bản, âm thanh, hình ảnh tĩnh, hình ảnh động, đồ họa, video...)

nội dung được truyền tải rất sinh động, hấp dẫn. Điều này giúp cho mỗi người tìm được những hình thức tiếp nhận thông tin đa dạng thay vì chỉ ngồi đọc sách

2) Nguyên nhân tiêu cực

Do ảnh hưởng của Internet, nhiều người dành thời gian cho mạng xã hội nhằm mục đích giải trí. Và sự phát triển của các phương tiện truyền thông như: tivi, internet, các dịch vụ điện thoại... làm giảm thời gian cho việc đọc sách, tìm hiểu thông tin qua sách báo. Nhanh, nhiều, tiện và ít phải suy nghĩ là tiện ích lớn nhất khi người ta đọc hoặc xem trên màn hình điện tử còn đọc sách khiến giới trẻ không còn muốn đọc vì không đủ kiên nhẫn và ngại phải suy nghĩ. Bạn N.Q.X (sinh viên năm 4 ngành Truyền thông đa phương tiện) cho rằng: “Internet là thứ khiến chúng ta ngày càng mất tập trung vào việc đọc sách hơn bởi vì trên Internet có rất nhiều loại hình giải trí. Khi chúng ta đọc tin trên Internet rất dễ bị mất tập trung và sa đà vào các thông tin khác.”



Hình 3. Tỷ lệ sinh viên cảm thấy sao nhãng khi đọc

Theo khảo sát, hơn 51% sinh viên đồng ý rằng bản thân dễ bị sao nhãng khi đọc, bởi các thông tin quảng cáo, các thông báo điện thoại... Ngoài ra, tâm lý ngại đọc dài cũng ảnh hưởng đến vấn đề tập trung của sinh viên. Gần 53% trên tổng số sinh viên đều cảm thấy chán nản khi đọc các thông tin quá dài dù rằng thông tin đó có hữu ích đối với họ. Do vậy, các nhà xuất bản nội dung cần phải có những cách thức sáng tạo nhằm thu hút được lượng người đọc.

B. Nguyên nhân chủ quan

1) Nguyên nhân tích cực

Về nhận thức

Từ trước đến nay, chúng ta vẫn hay nghe nói nhiều đến từ văn hóa nhưng văn hóa đọc lại ít được biết đến. Đối với nhận thức về văn hóa đọc nhất là các tác động của Internet đến văn hóa đọc vẫn còn gặp một số trở ngại và hạn chế nhất định. Theo các nhà quản trị học, nhận thức bao gồm bốn yếu tố: Các giá trị, sở thích cá nhân và nhu cầu giao tiếp, khả năng thích nghi và chịu trách nhiệm, khả năng thu thập và đánh giá thông tin. Con người chúng ta không thể cải thiện chính mình hoặc phát triển những khả năng mới nếu chúng ta không phát triển nhận thức. Như vậy, khả năng nhận thức tốt sẽ giúp chúng ta có những kỹ năng ứng xử linh hoạt, chuẩn mực và có những hành vi đúng đắn giúp cá nhân mỗi người đạt được các thành tựu trong cuộc sống. Cho nên, mỗi sinh viên có nhận thức tốt về việc đọc của bản thân sẽ góp phần nâng cao văn hóa đọc trong xã hội.

Nhu cầu đọc

Người đọc có nhu cầu tìm hiểu thông tin, kiến thức về các lĩnh vực khác nhau trong đời sống và Internet đang dần đáp ứng được điều đó. Đặc biệt trong thời gian dịch bệnh Covid-19 kéo dài đã làm cho nhu cầu tìm kiếm thông tin của người đọc ngày càng cao hơn. Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông đã chuyển hình thức học tập và giảng dạy từ trực tiếp trên giảng đường sang trực tuyến. Điều đó càng làm gia tăng nhu cầu đọc trên Internet của sinh viên trong việc học tập cũng như cập nhật thông tin. Sinh viên đã có sự chủ động khi tìm kiếm các tài liệu và ý thức hơn việc đọc của bản thân.

Kỹ năng đọc của bản thân.

Xác định mục đích khi đọc là kỹ năng quan trọng và cần thiết khi đọc. Khi người đọc xác định được mục đích đọc sẽ giúp tiết kiệm thời gian và tăng hiệu quả đọc của bản thân khi tiếp nhận các thông tin. Theo kết quả bảng khảo sát đã trình bày ở trên, có 49% các bạn sinh viên

xác định mục đích đọc và 61% các bạn sinh viên biết các nguồn tài liệu uy tín trên Internet. Đây cũng là dấu hiệu tích cực cho thấy các bạn đã có kỹ năng đọc thích hợp với bản thân.

2) Nguyên nhân tiêu cực

Hiện nay công nghệ khoa học và kỹ thuật ngày càng phát triển vượt bậc, khiến cho các phương tiện và hình thức giải trí ngày càng đa dạng và hấp dẫn hơn. Điều này khiến cho thời gian dành cho việc đọc ngày càng thu hẹp lại và thay vào đó là thời gian dành cho giải trí, trò chuyện với bạn bè qua các nền tảng mạng xã hội.

Trên Internet cũng có rất nhiều các thông tin chưa được kiểm chứng dễ khiến cho người đọc hoang mang nếu như chưa có phương pháp đọc phù hợp với bản thân. Tiêu biểu là trong thời gian dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp, khó kiểm soát, đã có rất nhiều thông tin sai lệch đăng tải trên Internet dẫn đến việc người đọc sẽ có tâm lý sợ khi đọc các thông tin và chuyển sang các hình thức giải trí phù hợp với bản thân.

VI. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

A. Giải pháp đối với sinh viên

Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả xin đưa ra một số đề xuất nhằm hỗ trợ, thúc đẩy văn hóa đọc của các bạn sinh viên Học viện như sau:

- Đối với những người vốn không có thói quen đọc hoặc lười đọc, việc đầu tiên là chúng ta nên tự tìm hiểu xem loại hình nào, thể loại lĩnh vực nào mình thích và quan tâm.

- Người đọc cần tạo cho mình cảm giác thoải mái, không nên gây áp lực khi đọc. Chỉ khi bản thân cảm thấy hứng thú hoặc xác định được những lợi ích mà cuốn sách mang lại thì mình mới muốn đọc.

- Các bạn đọc có thể lựa chọn hình thức theo dõi thông tin như: xem video, nghe audio, postcard, hay đọc các trang ebook nhỏ gọn, tiện

lợi. Phương pháp chúng tôi khuyến nghị ở đây là các bạn trẻ nên tìm hiểu xem loại hình truyền tải tri thức nào mà bản thân cảm thấy phù hợp nhất.

- Ngoài ra, nhóm nghiên cứu xin giới thiệu một phương pháp đọc sách hiệu quả đã được những nhà nghiên cứu, những nhà giáo dục đề xuất áp dụng cho các bạn học sinh, sinh viên, hoặc những người đang không biết đọc gì khi đứng trước thế giới sách và các phương tiện giải trí tràn ngập như ngày nay. Phương pháp này là một quy trình gồm bảy bước: (1) Xác định mục đích đọc sách, (2) Tìm hiểu địa chỉ cuốn sách, (3) Xem mục lục, (4) Xem lời giới thiệu, lời tựa, lời nói đầu, (5) Xem lời kết luận và tóm tắt ở cuối sách, (6) Đọc một vài đoạn, (7) Đọc thực sự (hay đọc sâu).

Kỹ thuật đọc phụ thuộc vào mục đích đọc, thể hiện ra bằng cách đọc. Sau đây là một số cách đọc hiệu quả được giới thiệu bởi trường đại học Quốc tế Hồng Bàng, bạn có thể tham khảo và lựa chọn theo mục đích đọc của bản thân:

Đọc sâu: Cách đọc nghiên ngẫm nội dung cuốn sách để hiểu cặn kẽ.

Đọc lướt qua: Nhằm nắm được điều cốt yếu nhất như ý chính, sự việc chính... khái quát những khái niệm ban đầu và nội dung tổng quát trong cuốn sách.

Đọc có trọng điểm (hay đọc từng phần): cách đọc từng đoạn đã được lựa chọn từ trước.

Đọc toàn bộ nhưng không nghiên ngẫm kỹ: nhằm khái quát toàn bộ cuốn sách chứ không đi sâu vào những nội dung cụ thể.

Đọc nghiên ngẫm nội dung cuốn sách: Đọc từng nội dung, từng vấn đề một cách cặn kẽ, có đối chiếu với kiến thức, kinh nghiệm và những cuốn sách khác về những vấn đề đã được đề cập bên trong.

Đọc thụ động: Cách đọc toàn bộ hay đọc lướt, nhưng người đọc hoàn toàn theo sự dẫn dắt của tác giả.

Đọc chủ động: Là cách đọc mà khi xem xét những tư tưởng cuốn sách đề cập, người đọc luôn đối chiếu, đánh giá nó.

Đọc nông: Chỉ khai thác nội dung, tư tưởng cuốn sách ở trình độ chấp nhận hoặc có phê phán chung chung.

Để việc đọc có hiệu quả tối đa thì từ lúc bắt đầu đọc đến suốt quá trình đọc cần giữ một thái độ tinh thần tích cực. Theo Napoleon Hill (1937), thái độ tinh thần tích cực là khuynh hướng lạc quan trong mọi tình huống và luôn trân trọng những giá trị sống tốt đẹp. Đối với việc đọc thì đó là: (1) Tích cực tư duy khi đọc, (2) Tập trung chú ý cao độ khi đọc sách, (3) Ghi chép một cách khoa học những điều đã đọc.

Đối với việc tìm kiếm các tài liệu, thông tin trên Internet nên tìm tài liệu ở các trang báo chính thống, các trang web chính thống như trang web của Bộ Giáo dục, Bộ thông tin và truyền thông. Ví dụ như: vietnamnet hay vnexpress, báo an ninh, thư viện quốc gia...

Trên đây là một số phương pháp nhóm nghiên cứu tham khảo và tích lũy được nhằm giúp các bạn sinh viên có được kỹ năng đọc hiệu quả.

B. Giải pháp đối với Học viện

Nhà trường đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng, hình thành và phát triển văn hóa đọc đối với mỗi cá nhân. Một vài biện pháp cụ thể mà nhóm tác giả đề xuất bao gồm:

- Thông qua hệ thống âm thanh của nhà trường, triển khai hình thức phát thanh, đọc các thông tin cập nhật, thú vị (vào những giờ giải lao, giờ nghỉ), thường xuyên giới thiệu sách hay về kỹ năng sống, sách khoa học mới đã và đang được cập nhật trong thư viện trường. Tạo các cuộc thi nhỏ cho sinh viên khi tham gia trả lời trong thời gian đó và có những phần thưởng thú vị.

- Thường xuyên tổ chức các cuộc thi cấp trường như đọc sách, kể chuyện, hội diễn văn nghệ, kịch chuyển thể từ tác phẩm văn học,...

- Nhà trường có thể tổ chức các gameshow, ví dụ như “Bạn biết gì” dựa vào nguồn cảm hứng của Ai là triệu phú từ đó sinh viên sẽ tham gia và trả lời các câu hỏi với thông tin từ các loại sách có trong thư viện, phần thưởng sẽ khuyến khích các sinh viên trong trường cũng như thầy cô tích cực đọc sách nhiều hơn.

- Thầy cô là những người định hướng, truyền cho sinh viên niềm yêu thích với việc đọc, cho người học việc chọn sách và đọc sách

- Nâng cao chất lượng thư viện điện tử tại các trường đại học.

- Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư và hỗ trợ đầu tư vào cơ sở vật chất thư viện trường: điều hòa, wifi, không gian phòng đọc, các thiết bị hỗ trợ người học, cập nhập thêm nhiều nguồn sách mới đa dạng các ngành.

- Chú trọng công tác hỗ trợ nhà trường tổ chức các ngày hội đọc sách, trao đổi sách cũ, mở các buổi ngoại khóa, các câu lạc bộ dành cho sinh viên hứng thú với sách.

- Chú trọng công tác tổ chức, tập huấn nhằm nâng cao tinh thần đọc trong sinh viên, tuyên truyền văn hóa đọc.

C. Đẩy mạnh công tác thư viện

Thư viện có vai trò lớn góp phần làm nên chất lượng giáo dục hôm nay. Phát triển thư viện là nhu cầu tất yếu của giáo dục đại học nói chung và của Học Viện CNBCVT nói riêng. Dưới đây là một số đề xuất nhằm phát triển hơn nữa hệ thống thư viện của Học Viện:

Xây dựng và phát triển nguồn lực thông tin, thư viện: Nhà trường cần có những chính sách bổ sung tài liệu phù hợp và bắt kịp xu hướng, bám sát với những danh mục tài liệu mà sinh viên phải học và đọc thêm

Tăng cường cơ sở vật chất: Thư viện cần trang bị thêm một số máy tính, mạng Internet tốc độ cao, mở rộng diện tích phòng đọc trong thư viện.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thư viện: Cán bộ thư viện cần phải có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, có trình độ về công nghệ thông tin, có khả năng xử lý thông tin, có vốn ngoại ngữ nhất định để khai thác và xử lý thông tin từ mạng Internet và đặc biệt phải có kỹ năng giao tiếp tốt

D. Thúc đẩy văn hóa đọc thông qua quá trình giảng dạy

- Giáo viên thường xuyên giới thiệu sách hay, các trang thông tin hữu ích, uy tín cho sinh viên

- Dành thời gian để trao đổi, thảo luận, đánh giá về nội dung hoặc những vấn đề nổi bật của sách

- Đề bài kiểm tra, đề thi hoặc tiểu luận bắt nguồn từ nội dung sách hoặc những vấn đề quan trọng mà sách đề cập đến.

VII. KẾT LUẬN

Xây dựng văn hóa đọc cho sinh viên là một công việc cần thiết và đặc biệt quan trọng đối với mỗi một cơ sở giáo dục – đào tạo. Đặc biệt, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông đang phát triển hướng đào tạo và nghiên cứu theo mục tiêu chuyển đổi số. Văn hóa đọc là một trong những động lực thúc đẩy sự hình thành nên con người mới, có trí tuệ để có thể thích ứng được với sự phát triển của xã hội hiện đại. Phát triển văn hóa đọc cho sinh viên tại Học viện sẽ là yếu tố thúc đẩy quá trình học tập và nghiên cứu của sinh viên, giúp cho phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ đạt hiệu quả, phương pháp dạy và học được đổi mới theo hướng lấy người học làm trung tâm. Phát huy văn hoá đọc cho sinh viên là hình thành kỹ năng, thói quen đọc tích cực, hiệu quả, cung cấp cho sinh viên hành trang quan trọng cho quá trình học tập và làm việc trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Nguyễn Hữu Viêm (2009), “Văn hóa đọc và phát triển văn hóa đọc ở Việt Nam”, tạp chí thư viện Việt Nam, số 1/2009.

<https://nlv.gov.vn/van-hoa-doc/van-hoa-doc-va-phat-trien-van-hoa-doc-o-viet-nam.html>

[2] Nguyễn Hữu Viêm (2009), “Văn hóa đọc và Thư viện”, tạp chí thư viện Việt Nam, số 4/2009 <https://nlv.gov.vn/van-hoa-doc/van-hoa-doc-va-phat-trien-van-hoa-doc-o-viet-nam.html>

[3] Từ điển Cambridge.

<https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/internet>

[4] Zakir Hossain (2017), “What are the leisure choice, reading and library habits of Vietnamese students in the age of Internet?”, Social Sciences Information Review, Vol.11, No.4, December, 2017.

[5] Mayoka Kituyi (2014), “Towards An Improved Reading Habit Of University Students: The Impact Of Ict”, 2014, the 6th Annual International Conference on ICT for Africa 2014, 1-4th October, The ICT University, Yaoundé Cameroon

[6] Zurina Khairuddin (2013), “A Study of Students’ Reading Interests in a Second Language”, Canadian Center of Science and Education”, International Education Studies; Vol. 6, No. 11; 2013, ISSN 1913-9020 E-ISSN 1913-9039, Published by Canadian Center of Science and Education

[7] O. Akarsu & T. Dariyemez, (2014), “The reading habits of university students studying English language and literature in the digital age”, Journal of Language and Linguistic Studies, 10(2), 85-99; from www.jlls.org

[8] Fayaz Ahmad Loan and Refhat-un-nisa Shah (2017), “Survey of the Literature Reading Habits and Preferences of Adolescents: A Study of a Public School in India”, , University of Kashmir, Srinagar, India, volume 27, issue 2, pages 80-96

[9] Quratulain Mirza, Dr. Habibullah Pathan, Sahib Khatoon, Ahdi Hassan (2021), “Digital Age and Reading habits: Empirical Evidence from Pakistani Engineering University”,

TESOL International Journal Volume 16 Issue 1.

[10] AliyeErdem, (2015) “A Research on Reading Habits of University Students (Sample of Ankara University and Erciyes University)”, *Social and Behavioral Sciences* 174 (2015) 3983 – 3990,

[11] Ina Joubert, Liesel Ebersöhn, Ronel Ferreira, Loraine du Plessis, Melanie Moen, (2013) “Establishing a Reading Culture in a Rural Secondary School: A Literacy Intervention with Teachers”. *Journal of Asian and African Studies* 0(0) 1 –14 © The Author(s) 2013 Reprints and permissions: sagepub.co.uk/journalsPermissions.nav DOI: 10.1177/0021909613487676

[12] Purves, A.C.; Beach, R. “Literature and the Reader: Re-search in Response to Literature, Reading Interests, and the Teaching of Literature; National Council of Teachers Of English: Urbana”, IL, 1972; 61–144.

[13] McKool, S. (2007). “Factors that influence the decision to read: An investigation of fifth grade students’ out-of-school reading habits”. *Reading Improvement*, 44(3), 111-132.

[14] Guthrie, J. T., & Wigfield, A. (2000). “Engagement and motivation in reading”. In M. L. Kamil, & P. B. Mosenthal (Eds.), *Handbook of reading research* (Vol. III, pp. 403-422). Mahwah, NJ: Lawrence Erlbaum Associates.

[15] Yilmaz, Bulent. (1993) “Okuma Alışkanlığında Halk Kütüphanelerinin Rolü. *Kültür Bakanlığı*.”, Tháng 12 năm 2011, Số 292

[16] Odabaş, Hüseyin, Z. Yonca Odabaş, and Coşkun Polat (2008). “Üniversite öğrencilerinin okuma alışkanlığı: Ankara Üniversitesi örneği.” *Bilgi Dünyası* 9.2: 431-465.1

[17] Chettri, K., & Rout, S. K. (2013). *Reading Habits - An Overview*. IOSR Journal of Humanities And Social Science, 14(6). Retrieved March 26, 2018. April 2020 Asian

Journal of University Education 16(1):109. DOI:10.24191/ajue.v16i1.8988

[18] Proctor, R.W., & Dutta, A. (1995). “Skill acquisition and human performance. Thousand Oaks, CA: Sage Publications”. January 2013 *Theoretical Issues in Ergonomics Science* 14(1) DOI:10.1080/1464536X.2011.573008

[19] Hudson, T. (2007), “Teaching second language reading. Oxford: Oxford University Press”, Volume 20, No. 2, ISSN 1539-0578 pp. 273–277

[20] Reich, Yau and Warschauer (2016), “Tablet-Based eBooks for Young Children: What Does the Research Say?”, August 2016 *Journal of developmental and behavioral pediatrics*: JDBP, DOI:10.1097/DBP.0000000000000335

[21] Schugar, J.T., Schugar, H., & Penny, C, (2011) “A Nook or a book? Comparing college students’ reading comprehension levels, critical reading, and study skills. *International Journal of Technology in Teaching and Learning*”, 7(2), 174-192.

[22] Katherine Hayles (2012), *How we think*, pp. 27-31, https://port.sas.ac.uk/pluginfile.php/13810/mod_resource/content/1/hayles-kate-scale-matters.pdf (Katherine Hayles (2012)

[23] Carol Tenopir, (2009), *Electronic Journals and Changes in Scholarly Article Seeking and Reading Patterns*, DOI:10.1045/november2008-tenopi,

https://www.researchgate.net/publication/39728529_Electronic_Journals_and_Changes_in_Scholarly_Article_Seeking_and_Reading_Patterns (Tenopir và cộng sự, 2009)

[24] Naomi S. Baron, (2017), *Reading in a digital age*, <https://kappanonline.org/reading-digital-age/> Nielsen, 2008.

**IMPACT OF THE INTERNET ON
THE READING CULTURE OF
STUDENTS AT POSTS AND
TELECOMMUNICATIONS INSTITUTE
OF TECHNOLOGY**

Abstract: Reading culture is considered the foundation for personal growth. With the explosion of information and communication technology, reading culture of students tends to change both the means of approaching and the way of reading. This leads to significant changes in reading efficiency. The study has been conducted with the purpose to identify the impact of Internet on reading culture of Posts and Telecommunications Institute of Technology students, based on three factors: reading habits, reading interests and reading skills. From the results of study, the authors make suggestions to improve the reading culture of Academy students when using the Internet.

Keywords: *Reading culture, Internet.*



Ngô Thanh Điển, sinh viên lớp D18CQTT02-B ngành Truyền thông Đa phương tiện, khoa Đa phương tiện, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.



Lương Thị Thêm, sinh viên lớp D18CQTT01-B ngành Truyền thông Đa phương tiện, khoa Đa phương tiện, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.



Nguyễn Ngọc Minh, sinh viên lớp D18CQTT01-B ngành Truyền thông Đa phương tiện, khoa Đa phương tiện, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.